

Số: 455 /KL-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 7 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA**Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2021-2022 tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu**

Thực hiện Quyết định số 175/QĐ-SNNPTNT ngày 21/4/2023 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2021-2022 tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt- Sông Trâu từ ngày 08/5/2023 đến ngày 15/6/2023, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 175/QĐ-SNNPTNT ngày 21/4/2023 của Giám đốc Sở tiến hành thanh tra Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt- Sông Trâu.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 25/BC-ĐTTr ngày 30/6/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG**I. Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy**

Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu (sau đây viết tắt là Ban quản lý rừng) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Sắt và Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Trâu theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Ban quản lý rừng là đơn vị sự nghiệp công lập, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp toàn diện về chuyên môn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận. Nhiệm vụ chính là quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và phát triển rừng phòng hộ; thực hiện các chương trình, dự án được duyệt hàng năm và các nhiệm vụ khác theo quy định của Ngành trên tổng diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp được giao quản lý là 39.364,10 ha; bao gồm 61 tiểu khu, thuộc địa giới hành chính 11 xã: Phước Chiến, Phước Kháng, Công Hải, Lợi Hải của huyện Thuận Bắc; Phước Thắng, Phước Thành, Phước Đại, Phước Chính, Phước Trung của huyện Bác Ái và một phần của 02 xã Mỹ Sơn và Quảng Sơn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 133/QĐ-SNNPTNT ngày 23/4/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Về cơ cấu tổ chức hoạt động quản lý của Ban quản lý rừng hiện nay là 52 người/53 chỉ tiêu biên chế được giao; gồm: 01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban; 02 phòng chuyên môn: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng và 05 Trạm quản lý bảo vệ rừng thuộc Ban quản lý: Phước Chiến, Phước Đại, Phước Thành, Phước Kháng - Phước Trung, Dốc Lết - Phước Chính.

II. Về chế độ tài chính và kinh phí thực hiện

Ban quản lý rừng là đơn vị sự nghiệp, hoạt động theo Quy chế quản lý rừng phòng hộ; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 31/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm giai đoạn năm 2022-2026 đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong hai năm 2021-2022, kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban quản lý rừng, gồm các nguồn kinh phí được cấp sau:

- Nguồn ngân sách cấp cho hoạt động sự nghiệp lâm nghiệp (kinh phí tự chủ và không tự chủ) với tổng số tiền là 24.199.864.621 đồng. Trong đó: năm 2021: 6.723.885.035 đồng (trong đó Chương trình MTQG phát triển lâm nghiệp bền vững là 21.000.000 đồng) và năm 2022: 17.475.976.970 đồng (trong đó Chương trình MTQG phát triển lâm nghiệp bền vững 582.100.000 đồng và Chương trình MT phát triển KTXH vùng đặc biệt khó khăn và miền núi là 8.908.600 đồng).

- Nguồn kinh phí thực hiện các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng với tư cách là nhà thầu, chủ đầu tư.

Biểu số 1: Biểu tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí ngân sách cấp

- Nguồn kinh phí thực hiện các dự án: Đơn vị là chủ đầu tư thực hiện các công trình trồng rừng thay thế trong lâm phần của đơn vị, bao gồm các Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2020 (10 dự án chuyển chủ đầu tư từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sang Ban quản lý) và 02 Dự án mới (thực hiện trong năm 2021 và năm 2022).

Biểu số 2: Bảng tổng hợp tình hình sử dụng nguồn kinh phí thực hiện các dự án.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trong 02 năm 2021-2022

1. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) và truy quét, chống phá rừng

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ và phát triển rừng

Trong 02 năm (2021-2022), Ban quản lý đã chủ động phối hợp với chính quyền, Mặt trận đoàn thể các xã, Hạt kiểm lâm 03 huyện: Bác Ái, Thuận Bắc, Ninh Sơn vận động 860 hộ dân ký cam kết tham gia bảo vệ phát triển rừng, tổ chức 09 đợt tuyên truyền, 79 cuộc họp dân với 5.444 lượt người tham gia về tuyên truyền phổ biến các biện pháp bảo vệ rừng và phát triển rừng, công tác PCCCR, phát dọn rãnh, tuyến các khu vực được giao khoán bảo vệ rừng; Hướng dẫn cho cộng đồng

dân cư quy trình phát dọn thực bì, đốt dọn nương rẫy canh tác. Qua công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng đã góp phần nâng cao nhận thức trong nhân dân, hạn chế đáng kể hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

b) Công tác triển khai PCCCR, tuần tra, truy quét chống phá rừng

- *Về công tác PCCCR:* Trong 02 năm (2021-2022) mặc dù thời tiết nắng hạn kéo dài, nhưng nhờ sự chủ động trong công tác PCCCR, hàng năm trên cơ sở Phương án PCCCR Ban quản lý xây dựng và được UBND tỉnh phê duyệt, Ban quản lý đã xây dựng và duy trì 03 chốt trực PCCCR (chốt TK49; TK82c; TK90), mua sắm dụng cụ, trang thiết bị, bố trí lực lượng phối hợp với Ban Chỉ huy BVR&PCCCR, kiểm lâm địa bàn các xã tuần tra các vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, kết hợp hướng dẫn dọn đốt nương rẫy, kiểm soát người và phương tiện vào rừng trái phép và tổ chức huy động lực lượng (76 lượt người) tham gia dập tắt các điểm cháy kịp thời, nên trong 02 năm trên lâm phần chỉ xảy ra 06 điểm cháy nhỏ với diện tích 2,28 ha (Năm 2021: 1,18 ha, năm 2022: 1,1 ha tại các TK 59b: 0,94ha, TK 88b: 0,74 ha, TK 96: 0,6 ha), chủ yếu cháy thực bì dưới tán rừng, đã góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại ảnh hưởng đến tài nguyên rừng.

- Công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng:

Qua kiểm tra trong năm 2021-2022, trên cơ sở Phương án PCCCR và truy quét chống phá rừng được phê duyệt, trong năm Ban quản lý xây dựng kế hoạch theo định kỳ, đột xuất đã phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị chức năng trên địa bàn tổ chức 908 đợt (6.099 lượt người tham gia) tuần tra, truy quét chống phá rừng với thành phần tham gia cụ thể, mỗi đợt truy quét đều có biên bản kiểm tra, sau mỗi đợt tuần tra, truy quét đều có báo cáo kết quả.

Kết quả trong năm 2021-2022, Ban quản lý rừng đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời, lập biên bản 19 vụ vi phạm (Năm 2021: 11 vụ, Năm 2022: 08 vụ); trong đó 14 vụ vận chuyển lâm sản trái phép (vặng chủ); đã chuyển tang vật, phương tiện vi phạm cho cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền, bao gồm: 08 xe gắn máy, 550kg gốc rễ cây; 2,716 m³ gỗ các loại; tháo dỡ hơn 300 mét hàng rào kẽm gai, phá hủy hơn 160 bẫy thú rừng; hiện nay Hạt Kiểm lâm Bắc Ái đã ban hành quyết định tịch thu và đang tạm giữ tang vật, phương tiện tại các Trạm bảo vệ rừng và 05 vụ phá rừng và đất lâm nghiệp với diện tích 8.633,96 m², đã ban hành Quyết định xử phạt 04 vụ vi phạm, ngăn chặn không cho san ủi đất rừng trái phép diện tích 4.601,96 m² làm bãi đậu xe, tập kết nguyên vật liệu thi công đường cao tốc Bắc Nam và đường điện 500KV và 01 vụ lấn chiếm đất rừng tại TK 87a- Phước Chính với diện tích 4.032 m².

Mặc dù, còn một số vụ lấn chiếm đất rừng, phá rừng, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên lâm phần vẫn còn xảy ra, nhưng nhìn chung công tác PCCCR và truy quét, chống phá rừng trong 02 năm qua được Ban quản lý thường xuyên tổ chức phối hợp với các lực lượng chức năng trên địa bàn tuần tra, truy quét chống phá rừng, điều tra, xử lý các vụ vi phạm về khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, phá rừng và lấn chiếm đất rừng. Qua đó, góp phần đẩy lùi, hạn chế các vụ vi phạm lâm luật, góp

phần nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất rừng trong lâm phần quản lý, nhất là các khu vực rừng giáp ranh.

2. Công tác khoán bảo vệ rừng

Trong 02 năm 2021-2022, căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán hạng mục công trình khoán bảo vệ rừng (bao gồm giao khoán từ nguồn kinh phí DVMTR), Ban quản lý đã lập hồ sơ, hợp đồng KBVR cho 29 Cộng đồng dân cư (hơn 500 người dân tham gia) và 02 Tổ chức lực lượng vũ trang trên địa bàn 02 huyện: Bắc Ái, Thuận Bắc tham gia quản lý, bảo vệ với diện tích 30.912 lượt ha, cụ thể:

- Năm 2021: 15.206 lượt ha; trong đó nguồn DVMTR: 500 ha;
- Năm 2022: 15.706 lượt ha; trong đó nguồn DVMTR: 1.000 ha.

Biểu số 3: Biểu tổng hợp diện tích giao khoán bảo vệ rừng năm 201-2022

Qua kiểm tra hồ sơ tại đơn vị cho thấy, đơn vị đã hợp đồng khoán bảo vệ rừng cho các đơn vị lực lượng vũ trang, các cộng đồng trong vùng dự án, gần rừng là đúng chủ trương, chính sách theo quy định; thực hiện đầy đủ các thủ tục hợp đồng giao khoán; có biên bản bàn giao thực địa, thực hiện cắm mốc theo thiết kế, hàng quý ban quản lý đã tổ chức nghiệm thu và thanh toán tiền công cho các đơn vị nhận khoán theo đúng định mức quy định. Công tác thiết kế giao rừng thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật và theo quy định hiện hành.

3. Về kết quả trồng rừng

Căn cứ kế hoạch giao, hồ sơ thiết kế, nghiệm thu hoàn công diện tích trồng rừng thuộc kế hoạch năm 2021-2022, Ban quản lý đã thực hiện đạt kết quả như sau:

3.1. Công tác trồng và chăm sóc rừng trồng

a) Trồng rừng:

- Trồng rừng phòng hộ: 38 ha (Năm 2021), loài cây Điều, Thanh thất.
- Trồng rừng thay thế: Ban quản lý rừng được UBND tỉnh giao chủ trương làm Chủ đầu tư các công trình trồng rừng thay thế với tổng diện tích 344 ha (Năm 2021: 30 ha, Năm 2022: 314 ha), loài cây Thông ba lá.

b) Chăm sóc rừng trồng;

- Chăm sóc rừng trồng phòng hộ: 498,45 ha cây Điều, Thanh thất (Năm 2021: 289,95 ha, Năm 2022: 208,50 ha)
- Chăm sóc rừng trồng thay thế: 1.045,2 ha các loài cây Thông ba lá, Thanh Thất, Muồng đen, Lim (Năm 2021: 390,27 ha, Năm 2022: 654,93 ha).

Đoàn thanh tra đã kiểm tra ngẫu nhiên thực tế một số diện tích như sau:

- Kiểm tra công tác trồng và chăm sóc rừng trồng năm thứ 2 thuộc Chương trình trồng rừng thay thế với diện tích thực hiện 30ha (*Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh*) tại tiểu khu 84 xã Phước Trung,

tiểu khu 72 xã Phước Thành, huyện Bác Ái. Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị trồng đúng loài cây Thông ba lá, vị trí và diện tích đúng theo thiết kế, mật độ cây sống bình quân là 2.325cây/ha/2.500 cây/ha, tỷ lệ cây sống bình quân đạt 93% so với mật độ thiết kế được phê duyệt, chiều cao vút ngọn bình quân là 0,92m, đường kính gốc bình quân là 2,46cm.

- Kiểm tra công tác trồng và chăm sóc rừng trồng năm thứ 1 thuộc Chương trình trồng rừng thay thế với diện tích thực hiện 314ha (*Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh*) tại khoảnh 2, 4 tiểu khu 84 xã Phước Trung; khoảnh 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 72 xã Phước Thành; khoảnh 5, 8, 10 tiểu khu 70, khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 80a xã Phước Đại và khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 80b xã Phước Chính, huyện Bác Ái. Đoàn thanh tra rút mẫu để kiểm tra ngẫu nhiên (kiểm tra 15lô rừng trồng, diện tích kiểm tra 111,08 ha/314ha diện tích thực trồng, tỷ lệ mẫu kiểm tra ngẫu nhiên chiếm 35,4%), tại thời điểm kiểm tra đơn vị trồng đúng loài cây Thông ba lá, vị trí, diện tích đúng theo thiết kế, mật độ cây sống bình quân là 2.407cây/ha/2.500cây/ha, tỷ lệ cây sống bình quân đạt 96,28% so với mật độ thiết kế được phê duyệt, chiều cao vút ngọn bình quân là 0,44m, đường kính gốc bình quân là 1,11cm.

Qua kiểm tra cho thấy, Ban quản lý đã tiến hành công tác chuẩn bị và triển khai trồng và chăm sóc rừng trồng đạt kế hoạch giao; theo dõi, chỉ đạo và nghiệm thu cây con xuất vườn, nghiệm thu trồng rừng theo quy định, phần lớn diện tích rừng trồng thay thế cây sinh trưởng, phát triển tương đối tốt, tỷ lệ cây sống trên 85% đạt cao. Tuy nhiên qua kiểm tra vẫn còn một Lô số 9 (khoảnh 4 tiểu khu 80a) diện tích 9,86 ha, tỷ lệ cây sống đạt 84%; một số lô rừng trồng thời điểm cuối năm 2022, qua kiểm tra thực tế cho thấy cây sinh trưởng, phát triển kém, xuất hiện cây chết rải rác trong lô (Lô 3 khoảnh 3, tiểu khu 80b, diện tích 8,75 ha).

3.2. Trồng cây phân tán

Thực hiện theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 11/9/2021 về việc Phê duyệt dự toán phương án hỗ trợ trồng cây phân tán của Ban quản lý rừng thuộc nguồn vốn Chương trình MTPT Lâm nghiệp bền vững kế hoạch năm 2020 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2021 với số lượng 47.446 cây; loài cây Điều hạt (*06 tháng tuổi*) với kinh phí: **253.840.127** đồng (*hỗ trợ cây giống: 237.230.000 đồng (giá 5000đồng/cây theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg, ngày 14/9/2016) và chi phí quản lý: 16.610.127 đồng*). Nguồn cây giống do Ban quản lý rừng tự gieo tạo và được Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, nghiệm thu, cho phép cây con xuất vườn để cung cấp cho các tổ chức, hộ dân có nhu cầu trồng cây phân tán trên địa bàn góp phần phủ xanh đất trống, tạo cảnh quan, bảo vệ chống xói mòn, sạt lở, tăng độ che phủ, bảo vệ môi trường, nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng thực hiện trồng cây phân tán.

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, đơn vị đã chủ động triển khai, phối hợp với UBND các xã và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận vận động nhân dân trồng cây phân tán đạt chỉ tiêu kế hoạch.

3.3. Khoanh nuôi tái sinh rừng

Giai đoạn năm 2021-2022, Ban quản lý triển khai thực hiện công tác KNXT tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung thuộc Chương trình MTPT Lâm nghiệp bền vững với diện tích 960 ha mỗi năm (Trong đó Cộng đồng thôn Bà Râu 1, Lợi Hải 460 ha tại TK 144 Lợi Hải + TK137b Phước Kháng và Công an huyện Thuận Bắc 500 ha tại TK 152b Lợi Hải + 153 Phước Kháng + TK 151b Phước Trung).

Qua kiểm tra cho thấy, Ban quản lý đã tiến hành công tác chuẩn bị và triển khai KNXT tái sinh tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết được phê duyệt; việc theo dõi chỉ đạo và nghiệm thu cây con xuất vườn, nghiệm thu công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đúng quy định. Việc thực hiện giải pháp kỹ thuật lâm sinh KNXT tái sinh tự nhiên và trồng rừng bổ sung trên diện tích đất không có rừng, đất nương rẫy hoang hóa để khoanh nuôi bảo vệ, trồng rừng bổ sung, phục hồi tái sinh tự nhiên nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của tại đơn vị là phù hợp, đúng quy định.

II. Công tác quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí được cấp và các nguồn kinh phí khác trong 02 năm 2021, 2022

Trong 02 năm 2021-2022, Ban quản lý rừng quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí gồm: Kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động sự nghiệp lâm nghiệp, kinh phí đầu tư Chương trình mục tiêu và phát triển lâm nghiệp bền vững và các nguồn kinh phí khác.

(Kèm theo Biểu số 01: Bảng tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí ngân sách cấp và Biểu số 02: Bảng tổng hợp tình hình sử dụng nguồn kinh phí thực hiện các dự án)

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán trong năm 2021- 2022 tại đơn vị, nhận thấy, các nguồn kinh phí ngân sách cấp đều có quyết định của cấp có thẩm quyền và được ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách, đơn vị thực hiện chi đúng chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng; chấp hành việc mở sổ sách, biểu mẫu báo cáo tài chính, xây dựng dự toán chi đúng theo quy định hiện hành; đơn vị đã thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Hàng năm đơn vị có kiểm kê tài sản, có mở sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ theo quy định, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Quyết định số 217/QĐ-BQLRLH ngày 11/8/2021 của Ban QLRPHDN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu và Quyết định số 493/QĐ-BQLRLH ngày 29/8/2022 của Ban QLRPHDN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu.

Tuy nhiên, qua kiểm tra Ban quản lý rừng còn một số tồn tại, hạn chế, khuyết điểm như sau:

1. Đối với nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021:

a) Ban quản lý rừng đã chi trùng tiền phụ cấp công tác phí cho 41 trường hợp viên chức của đơn vị không đúng quy định với số tiền là **15.440.000** đồng giữa

nguồn kinh phí quản lý của Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021 trùng với nguồn kinh phí công tác PCCCR và truy quét chống phá rừng năm 2021. (Phụ lục 1)

b) Theo Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ của Ban QLRPHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu (năm thứ nhất-các gói thầu thực hiện năm 2021) thuộc nguồn vốn Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021. Trong đó: Phê duyệt 02 gói thầu mua vật tư phân bón NPK (20-20-15) bón lót với giá trị gói thầu lần lượt là 14.062.500 đồng và 3.750.000 đồng, nhưng Ban đã thực hiện quy trình 02 gói thầu thành 01 gói thầu để chỉ định thầu và được ký kết tại Hợp đồng số 406/HĐ-BQLRLH ngày 21/9/2021 với giá trị Hợp đồng là 17.812.500 đồng.

Tương tự, theo Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt KHLCNT công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ của Ban QLRPHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu (các gói thầu thực hiện năm 2021). Trong đó: Phê duyệt 03 gói thầu mua vật tư phân bón NPK (20-20-15) bón thúc năm 2021 với giá trị gói thầu lần lượt là 52.776.563 đồng, 17.559.375 đồng và 9.375.000 đồng, nhưng Ban đã thực hiện quy trình 03 gói thầu nêu trên thành 01 gói thầu để chỉ định thầu và được ký kết tại theo Hợp đồng số 84/HĐ-BQLRLH ngày 19/8/2021 với giá trị Hợp đồng là 79.710.938 đồng là không đúng với KHLCNT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 và Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 13/8/2021.

c) Theo Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt KHLCNT công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ của Ban QLRPHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu (năm thứ nhất-các gói thầu thực hiện năm 2021). Trong đó: Phê duyệt gói thầu trồng và chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất với giá trị gói thầu là 580.325.310 đồng **bằng hình thức tự thực hiện**.

Tương tự, theo Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt KHLCNT công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ của Ban QLRPHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu (các gói thầu thực hiện năm 2021). Trong đó: Phê duyệt gói thầu chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm 2021 với giá trị 03 gói thầu lần lượt là 589.223.665 đồng, 195.970.042 đồng và 108.328.940 đồng **bằng hình thức tự thực hiện (Ban quản lý rừng tự thực hiện)**.

Theo giải trình của đơn vị, trong quá trình triển khai Ban quản lý rừng xét thấy việc thực hiện công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng (04 gói thầu nêu trên) từ nguồn vốn Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững phải gắn các mục tiêu, chính sách hưởng lợi, tạo việc làm, thu nhập...cho người dân địa phương khi tham gia bảo vệ, phát triển rừng trên diện tích đất của các hộ dân đăng ký tham gia trồng rừng từ chương trình này, nên việc thực hiện 04 gói thầu nêu trên bằng hình thức tự thực hiện (Ban quản lý rừng tự thực hiện) theo KHLNNT đã được phê duyệt là chưa phù hợp.

Nhưng qua kiểm tra hồ sơ cho thấy đơn vị không tham mưu, trình phê duyệt điều chỉnh KHLNNT đối với 04 gói thầu nêu trên để thực hiện cho phù hợp mục tiêu của chương trình và đúng quy định pháp luật về đấu thầu, mà thực hiện quy trình, thủ tục chỉ định thầu, hợp đồng giao cho từng hộ dân địa phương có diện tích đăng ký tham gia trồng rừng thực hiện (chia thành nhiều gói thầu), cho thấy Ban quản lý rừng thực hiện quy trình 04 gói thầu nêu trên không đúng theo KHLNNT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và quy trình tự thực hiện theo quy định Điều 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2. Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

Qua kiểm tra hồ sơ chứng từ thanh toán cho viên chức đơn vị theo chính sách quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ trong 02 năm 2021-2022 cho thấy:

- Ban quản lý rừng đã chi thanh toán thiếu và chưa đúng chế độ cho 05 trường hợp viên chức của đơn vị hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ với số tiền **5.008.800 đồng**, cụ thể:

+ Chi thiếu chế độ cho 02 trường hợp viên chức của đơn vị với số tiền là số tiền là **2.383.000 đồng** (Năm 2021: ông *Đàng Năng Huy*: 2.085.000 đồng, năm 2022: ông *Nguyễn Khắc Thuận* là 298.000 đồng).

+ Chi vượt sai quy định cho 03 trường hợp viên chức của đơn vị với số tiền là số tiền là **2.625.800 đồng** (Năm 2021 số tiền 1.625.800 đồng, gồm: ông *Thành Trọng Ngân*: 1.000.000 đồng, ông *Lê Kim Đại*: 625.800 đồng; năm 2022: ông *Nguyễn Thanh Tuấn* là 1.000.000 đồng)

(Kèm theo Phụ lục 2)

- Ngoài ra, qua kiểm tra trường hợp thanh toán, giải quyết chế độ cho ông *Tô Anh Tuấn* cho thấy, ông *Tuấn* công tác tại Ban quản lý rừng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2022, tháng 12/2021 ông *Tuấn* đã được thanh toán tiền trợ cấp lần đầu khi nhận công tác tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ với số tiền 14.900.000 đồng. Tháng 12/2022, ông *Tuấn* có đơn xin thôi việc, Ban quản lý đã thu hồi lại số tiền 14.900.000 đồng (tiền trợ cấp lần đầu khi nhận công tác tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn) từ tiền phụ cấp thu hút được cấp cho ông *Tuấn* năm 2022 trả lại ngân sách Nhà nước. Như vậy, Ban quản lý rừng thu hồi số tiền 14.900.000 đồng của ông *Tuấn* nộp ngân sách là không đúng quy định theo Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Kinh phí xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Qua kiểm tra cho thấy, năm 2021 Ban QLR PHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu ban hành Quyết định số 461/QĐ-BQLRLH ngày 30/12/2021 chỉ định thầu tư vấn xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban QLR PHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 và Ban thực hiện ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 462/HĐTV-BQL ngày 30/12/2021 với Phân viện điều tra, quy hoạch rừng Nam bộ về xây dựng Đề án nêu trên với giá trị hợp đồng là **587.474.800** đồng từ nguồn huy động xã hội hóa thực hiện lập Đề án đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính (theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8; khoản 2, Điều 13; điểm t, khoản 1, Điều 37 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và khoản 6, Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định: **“thu huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật là nguồn thu của ngân sách nhà nước”**. Do đó, nguồn vốn huy động để thực hiện tư vấn xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban QLR PHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu là **nguồn ngân sách nhà nước**.

- Việc xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban quản lý rừng là hoạt động **cung cấp dịch vụ tư vấn**, được điều chỉnh bởi Luật Đấu thầu năm 2013 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. Vì vậy, việc xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban QLR PHĐN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu **phải xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu trình UBND tỉnh phê duyệt** để tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ thì hạn mức chỉ định thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn là **dưới 500 triệu**.

Như vậy, việc Ban quản lý rừng chỉ định thầu tư vấn xây dựng Đề án nêu trên với giá trị gói thầu **587.474.800** đồng bằng hình thức chỉ định thầu rút gọn và không xây dựng KHLNNT gói thầu là không đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 8; khoản 2, Điều 13; điểm t, khoản 1, Điều 37 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đấu thầu năm 2013, khoản 6, Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

4. Đối với các dự án trồng rừng thay thế trước năm 2020

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 4290/UBND-KTTH ngày 02/12/2020 về việc thống nhất Phương án phân bổ, chuyển giao tiền trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh, theo đó các công trình trồng rừng thay thế trước năm 2020 chuyển Chủ đầu tư từ Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sang Ban quản lý làm cơ sở chuyển chủ đầu tư, chuyển giao, phân bổ kinh phí từ Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh sang Ban quản lý để tiếp tục thực hiện các công trình trồng rừng thay thế, giải ngân nguồn kinh phí và thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ lưu tại Ban quản lý rừng cho thấy, mặc dù các công trình trồng rừng thay thế (chuyển giao Chủ đầu tư) Ban quản lý rừng chưa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch LCNT đối với các gói thầu chăm sóc, bảo vệ rừng trồng, mua phân bón phục vụ bón thúc rừng trồng cho đến khi kết thúc chu kỳ đầu tư, nhưng Ban quản lý rừng vẫn tiến hành thực hiện việc chỉ định thầu (gói thầu mua phân bón) hoặc giao cho Tổ chăm sóc rừng trồng, Tổ bảo vệ rừng trồng (do Ban quản lý rừng thành lập) để thực hiện là không phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (*Chủ đầu tư - Ban quản lý rừng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện các hạng mục theo quy định*).

C. KẾT LUẬN

I. Ưu điểm

- Mặc dù công tác bảo vệ rừng hiện nay hết sức phức tạp và nguy hiểm, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, mở rộng diện tích canh tác, sản xuất nông nghiệp còn tự phát, gây áp lực đến thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý rừng. Nhưng 02 năm qua, đơn vị đã tích cực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương làm tốt công tác giao khoán bảo vệ rừng thuộc Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững và mô hình giao khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển sinh kế bền vững cho các cộng đồng dân cư địa phương trên địa bàn, các tổ chức lực lượng vũ trang quản lý bảo vệ; đồng thời chủ động lập kế hoạch phối hợp các lực lượng chức năng huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, các tổ chức và cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng tổ chức tuần tra, truy quét chống phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và tuyên truyền vận động nhân dân trong việc quản lý, bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng; đơn vị cũng đã thường xuyên kiểm tra thực hiện sâu sát, nên đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn nhiều vụ vi phạm, hạn chế tình trạng tác động vào rừng, đất rừng trái phép và thiệt hại do cháy rừng gây ra, góp phần ổn định trật tự trong công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn quản lý.

- Công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc rừng trồng và một số hạng mục công trình lâm sinh khác... đơn vị thực hiện đúng theo kế hoạch giao; nhất là trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và trồng cây phân tán trong lâm phần và trên địa bàn các huyện, đạt được kết quả đáng ghi nhận, góp phần bảo vệ tốt vốn rừng hiện còn, tăng độ che phủ của rừng, bảo vệ các công trình, ngăn chặn lũ lụt, ổn định sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong khu vực. Ngoài ra, đơn vị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: trồng rừng thay thế đạt tỷ lệ sống cao, xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 và xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại đơn vị.

- Các nguồn kinh phí ngân sách cấp đều có quyết định của cấp có thẩm quyền và được ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách, đơn vị thực hiện chi đúng chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng; chấp hành việc mở sổ sách, biểu mẫu báo cáo tài chính và xây dựng dự toán chi theo quy định; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

II. Về khuyết điểm, tồn tại

1. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ

Trong công tác tổ chức quản lý bảo vệ rừng, bên cạnh các kết quả đã đạt được nêu trên, còn một số vụ lấn chiếm đất rừng, phá rừng đã ảnh hưởng đến tài nguyên rừng (gồm 05 vụ phá rừng với diện tích 0,86 ha, 01 vụ lấn chiếm đất rừng với diện tích 0,40ha; 14 vụ (vắng chủ) vận chuyển lâm sản trái phép), nhưng đơn vị đã kịp thời kiểm tra, lập và chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm cho lực lượng chức năng xử lý theo thẩm quyền.

2. Đối với công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

2.1. Đối với nguồn kinh phí Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021:

a) Ban quản lý rừng đã chi trùng, không đúng quy định tiền phụ cấp công tác phí cho 41 trường hợp với số tiền là **15.440.000** đồng từ nguồn kinh phí quản lý của Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021 trùng với nội dung chi thanh toán của nguồn kinh phí công tác PCCCR và truy quét chống phá rừng năm 2021.

b) Ban quản lý rừng thực hiện gói thầu phân bón công trình trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ (năm thứ nhất-các gói thầu thực hiện năm 2021) thuộc nguồn vốn Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021 không đúng với KHLCNT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 và Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 13/8/2021.

c) Ban quản lý rừng thực hiện quy trình **tự thực hiện** đối với 04 gói thầu trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ-năm thứ nhất thuộc KH năm 2021 không đúng theo KHLNNT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và quy định theo Điều 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. *(Gồm 01 gói thầu 580.325.310 đồng đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 và 03 gói thầu lần lượt là 589.223.665 đồng, 195.970.042 đồng và 108.328.940 đồng đã được phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 13/8/2021).*

2.2. Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

Ban quản lý rừng đã chi thanh toán vượt, sai quy định cho 03 trường hợp viên chức với số tiền là **2.625.800** đồng, chi thanh toán thiếu chế độ cho 02 trường hợp viên chức của đơn vị số tiền **2.383.000** đồng và thu hồi không đúng quy định số tiền **14.900.000** đồng của 01 viên chức của đơn vị khi viên chức này xin thôi việc *(tiền trợ cấp lần đầu khi nhận công tác tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn).*

3. Kinh phí xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Ban quản lý rừng chỉ định thầu tư vấn xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban QLR PHDN liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 với giá trị gói thầu **587.474.800** đồng tại Quyết định số 461/QĐ-BQLRLH ngày 30/12/2021 bằng hình thức chỉ định thầu rút gọn và không xây dựng, phê duyệt KHLNNT gói thầu đề tổ chức thực hiện là không đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 8; khoản 2, Điều 13; điểm t, khoản 1, Điều 37 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đấu thầu năm 2013, khoản 6, Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

4. Đối với các dự án trồng rừng thay thế

- Ban quản lý rừng đã triển khai thực hiện các gói thầu chăm sóc, bảo vệ rừng trồng, mua phân bón phục vụ bón thúc rừng trồng các dự án trồng rừng thay thế trước năm 2020, mặc dù đơn vị chưa xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện là không phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Hai (02) lô rừng trồng thay thế năm 2022: Lô số 9 khoảnh 4 tiểu khu 80a, diện tích 9,86 ha và Lô số 3 khoảnh 3, tiểu khu 80b, diện tích 8,75 ha cây sinh trưởng, phát triển kém, tỷ lệ cây sống dưới 85%.

III. Nguyên nhân và trách nhiệm

1. Nguyên nhân khách quan

- Áp lực thiếu đất sản xuất của bà con sống gần rừng nhất là bà con đồng bào dân tộc thiểu số đã tác động bất lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; mặt khác, đời sống nhân dân trong vùng còn nhiều khó khăn tạo áp lực cho công tác giữ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, chiếm đất rừng để canh tác nông nghiệp. Trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác chuyên môn còn thiếu cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

- Lâm phần đơn vị quản lý có một số diện tích rừng và đất lâm nghiệp tiếp giáp với khu dân cư, phạm vi phân bố rộng, trải dài trên 02 huyện, địa hình bị chia cắt, đời sống của một bộ phận người dân sống ở vùng giáp ranh với lâm phần thuộc Ban quản lý rừng còn nhiều khó khăn, nhận thức chưa cao nên còn lén lút vào rừng chặt cây hầm than, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép; phá rừng, lấn chiếm đất rừng.

2. Nguyên nhân chủ quan

Nguyên nhân chủ quan về những tồn tại, thiếu sót nói trên là do các phòng tham mưu của đơn vị như: Phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng Khoa học, Kỹ thuật, QL BVR và các cá nhân được giao phụ trách các phòng chuyên môn, tham mưu trực tiếp cho Trưởng ban, Phó trưởng ban Ban quản lý rừng chưa làm tốt công việc được giao, chưa nghiên cứu kỹ, đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực có liên quan để áp dụng đúng theo quy định dẫn đến tồn tại, thiếu sót nói trên.

3. Trách nhiệm

Trách nhiệm của các tồn tại, khuyết điểm nêu trên thuộc về tập thể lãnh đạo đơn vị và cá nhân Trưởng ban, Phó Trưởng ban; các bộ phận tham mưu thuộc Phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng Khoa học, Kỹ thuật, QLBRV và cá nhân được giao phụ trách.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, đề có giải pháp khắc phục các tồn tại, khuyết điểm nêu trên trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí qua kết quả thanh tra, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trong thời gian tới tại đơn vị đúng theo quy định pháp luật hiện hành, Giám đốc Sở chỉ đạo xử lý như sau:

I. Đối với Ban quản lý rừng PHĐN Liên hồ Sông Sắt- SôngTrâu

1. Có trách nhiệm thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số tiền **18.065.800 đồng**; gồm số tiền **15.440.000 đồng** do chi trùng, sai tiền phụ cấp công tác phí giữa nguồn kinh phí Chương trình MTLN lâm nghiệp bền vững với nguồn kinh phí công tác PCCCR và truy quét chống phá rừng năm 2021 và thanh toán vượt, sai quy định số tiền **2.625.800 đồng** cho 03 viên chức từ nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ.

2. Có trách nhiệm thanh toán bổ sung số tiền **17.283.000 đồng**, bao gồm thanh toán thiếu số tiền **2.383.000 đồng** - kinh phí theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số và 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ đối với 02 viên chức của đơn vị và thu hồi không đúng quy định số tiền **14.900.000 đồng** của 01 viên chức của đơn vị khi viên chức này xin thôi việc (*tiền trợ cấp lần đầu khi nhận công tác tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn*).

3. Tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể có liên quan để xảy ra một số tồn tại, khuyết điểm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, có trách nhiệm khẩn trương xây dựng kế hoạch, có giải pháp khắc phục các tồn tại, khuyết điểm đã nêu tại Mục II phần C Kết luận này.

4. Tăng cường công tác phối hợp cùng các cấp, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức và cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng thực hiện tuần tra kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các vụ phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép, phòng cháy chữa cháy rừng xảy ra trên lâm phần của đơn vị quản lý, nhất là tình trạng xâm lấn đất rừng trái phép.

5. Tiếp tục trồng dặm, chăm sóc, bảo vệ, phòng cháy rừng trồng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, nhất là Lô số 9 (khoảng 4 tiểu khu 80a), diện tích 9,86 ha rừng trồng cây thế trồng năm 2022 (tỷ lệ cây sống đạt 84%) và Lô 3 khoảng 3, tiểu khu 80b để đảm bảo rừng trồng sau khi kết thúc chu kỳ đầu tư đạt tiêu chí thành rừng theo quy định.

II. Đối với Chi cục Kiểm lâm

Giao Chi cục Kiểm lâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường

công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn theo dõi, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các công trình, dự án lâm sinh đã và đang triển khai trên địa bàn tỉnh nói chung và các công trình, dự án lâm sinh đã và đang triển khai thực hiện tại Ban quản lý rừng PHĐN Liên hồ Sông Sắt- Sông Trâu thực hiện hiệu quả nguồn vốn đầu tư, đúng theo quy định pháp luật,...đề sau khi kết thúc chu kỳ đầu tư đảm bảo đạt tiêu chí nghiệm thu thành rừng theo quy định.

III. Đối với phòng Tổ chức - Hành chính Sở

Giao phòng Tổ chức - Hành chính Sở phối hợp với Thanh tra Sở theo dõi, đôn đốc việc tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể có liên quan để xảy ra một số tồn tại, khuyết điểm nêu tại khoản 3, I Mục D Kết luận này để kịp thời báo cáo Giám đốc Sở chỉ đạo Ban quản lý rừng PHĐN Liên hồ Sông Sắt- Sông Trâu có giải pháp khắc phục các tồn tại, khuyết điểm đã kết luận.

IV. Đối với Thanh tra Sở

Giao Thanh tra Sở phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính Sở theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung kết luận của Giám đốc Sở để kịp thời báo cáo Giám đốc Sở chỉ đạo Ban quản lý rừng PHĐN Liên hồ Sông Sắt- Sông Trâu có giải pháp khắc phục các tồn tại, khuyết điểm đã kết luận.

Trên đây là kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2021-2022 tại Ban quản lý rừng PHĐN Liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu; yêu cầu Ban quản lý rừng PHĐN Liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu nghiêm túc thực hiện kết luận này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- GD, PGD Sở Trần Ngọc Hiếu;
- BQLRPHĐN LH Sông Sắt-Sông Trâu (thực hiện);
- Thanh tra, phòng TCHC Sở;
- Lưu: VT, HSTT.

GIÁM ĐỐC



Đặng Kim Cương

Biểu số 1: BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ TỰ CHỦ, KHÔNG TỰ CHỦ VÀ CÁC NGUỒN THU KHÁC

Đơn vị: đồng

	NGUỒN KINH PHÍ CÁC NĂM	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán giảm trong năm	Được sử dụng	Đã sử dụng	Tồn		Ghi chú
							Được sử dụng tiếp	Hủy	
							317.938.570		
I	NĂM 2021	59.188.348	6.825.600.000	-160.901.313	6.723.887.035	6.405.948.465	208.888.349	109.050.221	
<i>1</i>	<i>Kinh phí tự chủ</i>		<i>4.636.010.000</i>	<i>-78.813.624</i>	<i>4.557.196.376</i>	<i>4.482.996.375</i>	<i>74.200.001</i>		
-	KP thường xuyên		4.561.810.000	-78.813.624	4.482.996.376	4.482.996.375	1	0	
-	Cải cách tiền lương		74.200.000		74.200.000		74.200.000	0	
<i>2</i>	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	<i>59.188.348</i>	<i>2.168.590.000</i>	<i><u>-82.087.689</u></i>	<i>2.145.690.659</i>	<i>1.902.502.090</i>	<i>134.688.348</i>	<i>109.050.221</i>	
-	Cải cách tiền lương	59.188.348	0		59.188.348		59.188.348		
-	Thực hiện PCCCR-TQCPR		657.000.000		657.000.000	657.000.000	0		
-	Sửa xe ô tô		22.500.000		22.500.000	22.500.000	0		
-	chi theo ND 76		1.413.590.000	<u>-82.087.689</u>	1.413.590.000	1.223.002.090		<u>108.500.221</u>	
	Tiết kiệm 10% CCTL		75.500.000		75.500.000		75.500.000		

3	<i>C/trình p/ triển lâm nghiệp bền vững (khoán bảo vệ rừng)</i>		<i>21.000.000</i>		<i>21.000.000</i>	<i>20.450.000</i>	<i>0</i>	<i>550.000</i>	
II	NĂM 2022						1.315.981.977		
A	Nguồn KP sự nghiệp (tự chủ và không tự chủ)	<i>208.888.349</i>	<i>17.267.088.621</i>	<i>0</i>	<i>17.475.976.97 0</i>	<i>16.159.994.993</i>	<i>1.008.738.246</i>	<i>307.243.731</i>	
					<i>0</i>				
1	Kinh phí tự chủ	<i>74.200.001</i>	<i>4.459.518.581</i>	<i>0</i>	<i>4.533.718.582</i>	<i>4.311.868.811</i>	<i>221.849.771</i>		
-	Kinh phí thường xuyên	1	4.334.950.000		4.334.950.001	4.256.960.230	77.989.771		
-	Cải cách tiền lương	74.200.000	69.660.000		143.860.000	0	143.860.000		
-	Lương bổ sung		54.908.581		54.908.581	54.908.581			
2	Kinh phí không tự chủ	<i>134.688.348</i>	<i>12.807.570.040</i>		<i>12.942.258.38 8</i>	<i>11.848.126.182</i>	<i>786.888.475</i>	<i>307.243.731</i>	
-	Cải cách tiền lương	134.688.348	101.000.000		235.688.348		235.688.348	0	
-	PCCCR- TQCPR		909.000.000		909.000.000	908.914.235	0	85.765	
-	NĐ số 116		1.396.570.040		1.396.570.040	1.111.152.615	0	285.417.425	
-	Mua sắm tập trung		60.240.000		60.240.000	59.847.500	0	392.500	

-	Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững (khoản bảo vệ rừng)		582.100.000		582.100.000	30.899.873	551.200.127		
-	Chương trình MT phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS và Miền Núi		8.908.660.000		8.908.660.000	8.908.660.000	0	0	
-	Sửa chữa trụ sở làm việc		850.000.000		850.000.000	828.651.959	0	21.348.041	
III	Nguồn thu khác								
1	Bồi thường thiệt hại hoa màu cay cối		43.456.965				43.456.965		Đơn vị đang được theo dõi tại Ngân hàng
2	Trồng rừng khắc phục		217.236.444				217.236.444		
3	Nguồn khác		140.109.245				140.109.245		
4	Xây dựng đề án DLST		200.000.000			176.000.000	24.000.000		
5	DVMT rừng								
-	Năm 2021	30.252.931	477.134.725	507.387.656		419.143.900	88.243.756		
-	Năm 2022	88.243.756	649.366.103	737.609.859		732.933.308	4.676.551		

Biểu số 2: BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn kinh phí	Số dư đầu kỳ	Nhận trong kỳ	Sử dụng trong kỳ (bao gồm cả thuế, trích CCTL và các quỹ)	Còn lại Cuối kỳ
I	Năm 2021	6.799.661.930	5.871.547.072	10.677.838.190	1.993.370.812
		6.799.661.930	5.871.547.072	10.677.838.190	1.993.370.812
1	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (30 ha)		1.451.532.630	1.345.537.620	105.995.010
2	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (ST20 ha)	311.061.532	273.570.960	383.389.580	201.242.912
3	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (ST50 ha)	490.557.350	797.189.400	817.631.250	470.115.500
4	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS49,34 ha)	691.772.796	390.076.662	729.804.999	352.044.459
5	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS127,72 ha)	3.925.110.085	2.300.550.904	5.848.667.011	376.993.979
6	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS61,21 ha)	950.442.704	433.999.352	1.183.143.811	201.298.246
7	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (ST5,5 ha)	65.485.641	20.768.748	57.982.808	28.271.581
8	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS13,95 ha)	134.324.468	50.944.298	115.425.789	69.842.977
9	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS6,05 ha)	97.535.554	41.633.142	99.747.081	39.421.614
10	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS23,27 ha)	79.825.744	84.516.136	40.000.000	124.341.880
11	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS3,23 ha)	53.546.056	26.764.840	56.508.241	23.802.655
12	Cung cấp cây giống				
13	Tiền lãi ngân hàng				
II	Năm 2022	1.993.370.812	20.405.953.424	19.785.526.706	2.621.334.227
1	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (314 ha)		17.324.853.288	16.132.970.753	1.191.882.535
2	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (30 ha)	105.995.010	647.060.040	639.184.240	113.870.810

3	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (ST20 ha)	201.242.912	118.870.960	228.368.160	91.745.712
4	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (ST50 ha)	470.115.500	395.294.550	698.527.600	166.882.450
5	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS49,34 ha)	352.044.460	215.762.390	394.989.555	172.817.295
6	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS127,72 ha)	376.993.979	1.282.478.330	1.221.407.932	438.064.377
7	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS61,21 ha)	201.298.246	387.808.454	369.341.385	219.765.315
8	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (ST5,5 ha)	28.271.581	0	10.279.760	17.991.821
9	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS13,95 ha)	69.842.977	0	24.518.379	45.324.598
10	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS6,05 ha)	39.421.614	22.094.122	41.692.632	19.823.104
11	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS23,27 ha)	124.341.880	0		124.341.880
12	Nhà thầu thực hiện Trồng rừng thay thế (SS3,23 ha)	23.802.654	11.731.290	24.246.310	11.287.634
13	Cung cấp cây giống				
14	Tiền lãi ngân hàng				1.166.100
15	Tiền lãi kho bạc				6.370.597

Biểu số 3: Biểu tổng hợp diện tích giao khoán bảo vệ rừng năm 2021-2022

HĐ số	Đơn vị	Địa điểm	Diện tích (ha) 2021	Diện tích (ha) 2022	Ghi chú
1	Cộng đồng thôn Tập Lá	TK134 Phước Chiến TK 77 Phước Thành	500	500	Năm 2022 thực hiện quý I, các quý II, III, IV không thực hiện do không có nguồn chi
2	Cộng đồng thôn Suối Dầu A	TK 134 + 135a Phước Chiến	363	363	Như trên
3	Cộng đồng thôn Động Thông	TK 135a +136 + 137a Phước Chiến	249	249	Như trên
4	Cộng đồng thôn Cầu Đá	TK 135b + 143 Phước Kháng	279	279	Như trên
5	Cộng đồng thôn Đá Liệt	TK 137b + 152a Phước Kháng	218	218	Như trên
6	Cộng đồng thôn Đá Mài Trên	TK135b+143 + 151a Phước Kháng	322	322	Như trên
7	Cộng đồng thôn Suối Le	TK 151a Phước Kháng	272	272	Như trên
8	Cộng đồng thôn Ma Hoa 1	TK 39 + 47a Phước Đại	550	550	Như trên
9	Cộng đồng thôn Ma Hoa 2	TK 60a + 60b + 70 Phước Đại	275	275	Như trên
10	Cộng đồng thôn Tà Lú 1	TK 47a + 60b Phước Đại	850	850	Như trên
11	Cộng đồng thôn Tà Lú 2	TK 70 + 80a Phước Đại	709	709	Như trên
12	Cộng đồng thôn Tà Lú 2	TK 70 + 76a Phước Đại	700	700	Như trên
13	Cộng đồng thôn Châu Đắc	TK 60a + 60b Phước Đại	477	477	Như trên
14	Cộng đồng thôn Ma Nai	TK 71+ 72 Phước Thành	500	500	Như trên

15	Cộng đồng thôn Suối Lỡ	TK 72 Phước Thành	550	550	Như trên
16	Cộng đồng thôn Ma Rớ	TK 48+ 49a + 43b Phước Thành	580	580	Như trên
17	Cộng đồng thôn Đá Ba Cái	TK 43a Phước Đại	500	500	Như trên
18	Cộng đồng thôn Ma Dú	TK 43a + 43b Phước Đại	550	550	Như trên
19	Cộng đồng thôn Suối Khô	TK 80b + 83 Phước Chính	432	432	Như trên
20	Cộng đồng thôn Núi Rây	TK 76b + 80b + 83 Phước Chính	740	740	Như trên
21	Cộng đồng thôn Suối Rớ	TK 82b + 83 Phước Chính	474	474	Như trên
22	Cộng đồng thôn Ma Oai	TK 87b + 88a Phước Thắng	264	264	Như trên
23	Cộng đồng thôn Rã Trên 1	TK 87a + 90 Phước Trung	450	450	Như trên
24	Cộng đồng thôn Rã Giữa 1	TK 84 Phước Trung	550	550	Như trên
25	Cộng đồng thôn Rã Giữa 2	TK 84 + 89 Phước Trung	787	787	Như trên
26	Cộng đồng thôn Đồng Dầy	TK 151b + 89 Phước Trung	772	772	Như trên
27	Cộng đồng thôn Tham Dú	TK 84 + 89 Phước Trung	934	934	Như trên
28	Cộng đồng thôn Rã Trên 2	TK 89 + 90 + 93 Phước Trung	759	759	Như trên
29	Cộng đồng thôn Suối Vang	TK 142 Công Hải	100	100	Như trên
30	Công an huyện Bắc Ái	TK 39 Phước Đại	500	500	Nguồn DVMTR
31	Công an huyện Thuận Bắc	TK 77 Phước Thành- Bắc Ái	-	500	Nguồn DVMTR
Tổng cộng			15.206	15.706	

Phụ lục 1: Danh sách 41 trường hợp Viên chức chi trùng tiền phụ cấp công tác phí giữa nguồn kinh phí quản lý của Chương trình MTPTLN bền vững năm 2020 kéo dài và năm 2021 với nguồn kinh phí PCCCR và TQCPR năm 2021

STT	Họ và tên	Các ngày/tháng năm 2021 chi thanh toán trùng	Tổng số ngày chi trùng	Số tiền chi phụ cấp lưu trú/ngày (đồng/ngày)	Số tiền (đồng)
1	Huỳnh Ngọc Khương	30,31/3;23,24/9; 3,4,5/12; 2,(3,4/12)*;	10	80.000	800.000
2	Nã Ngọc Ven	29,30/3; 3,4,5,10/12;	6	80.000	480.000
3	Tôn Thất Huy	29,30/3; 23/7; 12,17,18/9;	6	80.000	480.000
4	Trương Xuân Hiệp	22,23/6; 29,30/3;	4	80.000	320.000
5	Lê Minh Khôi	30,31/3; 8/9; 4,9,10,24/12;	7	80.000	560.000
6	Nguyễn Vui	30,31/3;	2	80.000	160.000
7	Lê Nguyên Bình	30,31/3;21,22/9; 2,3,4,9,10/12;	9	80.000	720.000
8	Võ Ngọc Phương Nam	29,30/3; 17,18/9; 9,10/12; 17*/9	7	80.000	560.000
9	Nguyễn Văn Hải	22,23/3;08,23,24/9; 3/12; 2,3*,4,9,10,24/12	12	80.000	960.000
10	Lê Kim Đại	22,23/3; 8,9,23,24/9; 3,4,5/12;	9	80.000	720.000
11	Thành Trọng Ngân	22,23/3; 8,23,24/9; 3/12;	6	80.000	480.000
12	Tô Anh Tuấn	29,30/3; 10,11,14/12	5	80.000	400.000
13	Lê Việt Hoàng	4,5/12; 4*/12	3	80.000	240.000
14	Lê Xuân Khang	23,24/9; 3,4,5/12;	5	80.000	400.000
15	Trương Đình Vĩnh Lân	3/12;	1	80.000	80.000
16	Lê Thủy Nguyên	12,13/9; 10,14,15/12; 2,3,4,9,10*/12;	10	80.000	800.000
17	Đặng Văn Tiềm	10,14,15/12;	3	80.000	240.000
18	Nguyễn Trung Thông	12,13/9; 10,14,15/12;	5	80.000	400.000
19	Lê Văn Quốc	10/12;	1	80.000	80.000
20	Nguyễn Văn Hiến	15,16/9; 3,4,7,8,10,11,14/12; (3,4,10/12)*;	12	80.000	960.000
21	Lê Diễm My My	4,5/12; 4*/12	3	80.000	240.000
22	Nguyễn Thanh Liêm	15,16/9; 3,6,7/12;	5	80.000	400.000
23	Đạo Văn Bãi	22,23/6; 15,16/9;	7	80.000	560.000

		3,6,7/12;			
24	Tô Ngọc Anh	16,17/9; 3/12;	3	80.000	240.000
25	Nguyễn Thanh Tuấn	15,16/9; 3,6,7/12;	5	80.000	400.000
26	Cao Văn đồng	10,11,14/12; 3,4,10*/12;	6	80.000	480.000
27	Trương Văn Vinh	10,11,14/12;	3	80.000	240.000
28	Phạm Xuân Hòa	23,24/9;	2	80.000	160.000
29	Bạch Nguyên Chính	17,18/9; 2,3,4/12;	5	80.000	400.000
30	Nguyễn Thanh Bình	22,23/6; 23/7; 17,18/9;	5	80.000	400.000
31	Trương Xuân Phương	17,18/9;	2	80.000	160.000
32	Quảng Đại Huy	21,22/9;	2	80.000	160.000
33	Lê Quốc Anh	12,13,21,22/9;	4	80.000	320.000
34	Vũ Quốc Nghĩa	21,22/9;	2	80.000	160.000
35	Nguyễn Khắc Thuận	21,22/9;	2	80.000	160.000
36	Lê Trọng Trường	22,23/6;	2	80.000	160.000
37	Hoàng Lộc	4/12;	1	80.000	80.000
38	Dương Văn Tuấn	23/12;	1	80.000	80.000
39	Lộ Trương Hằng	7,8/9; 2,3,4,8,24/12;	7	80.000	560.000
40	Đặng Thị Giang My	4/12;	1	80.000	80.000
41	Nguyễn Huệ	12,13/9	2	80.000	160.000
	Tổng cộng		193	80.000	15.440.000

Ghi chú: - (*) là các ngày trùng giữa kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ rừng tự nhiên, khoan nuôi tái sinh rừng tự nhiên với kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá sinh trưởng, kết quả trồng và chăm sóc rừng trồng kế hoạch năm 2021.

Phụ lục 2. Chi tiết 05 trường hợp viên chức chi thanh toán thiếu và chưa đúng chế độ theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ

1. Chi thanh toán thiếu chế độ theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ cho 02 trường hợp viên chức với số tiền 2.383.000 đồng, gồm:

- Năm 2021: Ông Đàng Năng Huy, vào tháng 5/2019 nâng lương thường xuyên từ hệ số 3,06 lên 3,26, nhưng đến tháng 6/2019 mới có Quyết định nâng lương, do đó khi Ban thanh toán trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn theo Điều 8 Nghị định số 116/2010/NĐ-CP cho ông Huy theo hệ số nâng lương mới 3,26 với số tiền 33.985.500 đồng, nhưng Ban thanh toán theo hệ số 3,06 với số tiền là 31.900.500 đồng. Vì vậy Ban đã thanh toán **thiếu** cho ông Huy số tiền là **2.085.000 đồng**.

- Năm 2022: ông Nguyễn Khắc Thuận, theo hồ sơ đóng BHXH thì ông Thuận công tác tại vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn từ tháng 02/2012 đến tháng 01/2022 là đủ 10 năm, tháng 2/2022 ông Thuận được hưởng phụ cấp công tác lâu năm ở mức 0,7 theo Điều 5 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, nhưng đến tháng 3/2022 Ban mới thanh toán phụ cấp công tác lâu năm ở mức 0,7 cho ông Thuận, vì vậy Ban thanh toán **thiếu** cho ông Thuận số tiền là: **298.000 đồng** (0,2 x 1.490.000 đồng/tháng).

2. Chi thanh toán vượt, sai chế độ theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 và Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ cho 03 trường hợp viên chức với số tiền 2.625.800 đồng, gồm:

- Năm 2021: 02 trường hợp.

+ Ông Thành Trọng Ngân công tác vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn tháng 6/2019, năm 2021 ông Ngân được thanh toán tiền trợ cấp lần đầu khi nhận công tác vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn theo Điều 6 Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 (**10 tháng lương tối thiểu chung ngay khi đến nhận công tác tháng 6/2019, mức lương tối thiểu chung theo quy định là 1.390.000 đồng/tháng**), theo quy định trên ông Ngân được thanh toán số tiền là 13.900.000 đồng, nhưng Ban đã thanh toán cho ông Ngân với số tiền là 14.900.000 đồng, vì vậy Ban đã thanh toán cho ông Ngân sai quy định số tiền **1.000.000 đồng**.

+ Ông Lê Kim Đại, vào tháng 8/2021 nâng lương thường xuyên, tháng 10/2021 Ban đã thanh toán lương cho ông Đại theo hệ số lương mới, nhưng tháng 10/2021 Ban thanh toán lương truy lĩnh cho ông Đại 03 tháng (tháng 8,9,10/2021), Ban đã chi thanh toán lương truy lĩnh cho ông Đại sai quy định 01 tháng (tháng 10/2021) với số tiền **625.800 đồng**.

- Năm 2022: ông Nguyễn Thanh Tuấn công tác vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn vào tháng 6/2019, năm 2022 ông Tuấn được thanh toán tiền trợ cấp lần đầu khi nhận công tác vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn theo Điều 6 Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 (**10 tháng lương tối thiểu chung ngay khi đến nhận công tác tháng 6/2019, mức lương tối thiểu chung**

theo quy định là 1.390.000 đồng/tháng), theo quy định trên ông Tuấn được thanh toán số tiền là 13.900.000 đồng, nhưng Ban đã thanh toán cho ông Tuấn với số tiền là 14.900.000 đồng, vì vậy Ban đã thanh toán cho ông Tuấn sai quy định số tiền **1.000.000 đồng.**